

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09-01-2020
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Tuất

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTTH; địa chỉ: Số 11 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh DVV (tức DDV); địa chỉ: Số 11 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15-11-2019 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTTH trình bày:

Chị NTTH và anh DVV (tức DDV) xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng từ ngày 28-6-1990. Trong thời gian chung sống, chị NTTH và anh DVV phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và tính cách, nên

cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng, mệt mỏi. Vì vậy, chị NTTH đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết được ly hôn với anh DVV.

Về con chung: Có 01 con chung là F, sinh ngày 01-8-1988 (đã thành niên), nên chị NTTH không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị NTTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh DVV (tức DDV) trình bày như sau: Anh và chị NTTH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống, hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm rất trầm trọng. Vì vậy, chị NTTH đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn với anh DVV, anh DVV đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con chung là F, sinh ngày 01-8-1988 (đã thành niên), nên anh DVV không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh DVV (tức DDV) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng tại phiên họp, bị đơn đều vắng mặt, không lý do. Vì vậy, vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Xét thấy, chị NTTH và anh DVV (tức DDV) xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, thấy rằng quá trình chung sống giữa chị NTTH và anh DVV đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị NTTH đề nghị ly hôn với anh DVV (tức DDV). Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị NTTH được ly hôn với anh DVV (tức DDV) là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là F, sinh ngày 01-8-1988 (đã thành niên). Chị NTTH và anh DVV đều không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị NTTH và anh DVV (tức DDV) được ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung là F, sinh ngày 01-8-1988 (đã thành niên). Chị NTTH và anh DVV (tức DDV) đều không đề nghị Toà án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị NTTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0008462, ngày 28-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị NTTH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường D,
E, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền